

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định
quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12b (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016; được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018) như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cơ sở đào tạo được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Công văn đề nghị chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b) Bảng kê khai về cơ sở vật chất;

c) Danh sách giảng viên, trong đó có kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 12b (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016) như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Trong trường hợp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở đào tạo gửi Cục Đường bộ Việt Nam công văn đề nghị cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận cơ sở đào tạo, thủ tục cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân kê khai và nộp hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

c) Cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp Giấy chấp thuận hoặc cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn

giao thông đường bộ. Trường hợp không cấp Giấy chấp thuận hoặc không cấp lại Giấy chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Việc trả Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo, Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo cấp lại được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam, hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12d (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016) như sau:

“3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ:

a) Cơ sở đào tạo có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho cơ sở đào tạo đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho cơ sở đào tạo đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở đào tạo kê khai và nộp hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho cơ sở đào tạo đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

c) Cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp chứng chỉ cho từng học viên (có kết quả thi đạt yêu cầu) có tên trong Tờ trình của cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Việc trả chứng chỉ được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12đ (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016) như sau:

“3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp đổi chứng chỉ:

a) Cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho người đến nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày cá nhân kê khai và nộp hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

c) Cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp đổi chứng chỉ; trường hợp không cấp đổi chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Việc trả chứng chỉ cấp đổi được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính theo yêu cầu của cá nhân có nhu cầu.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 12e (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016) như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 bộ gồm Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục cấp lại chứng chỉ:

a) Cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho người đến nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày cá nhân kê khai và nộp hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

c) Cục Đường bộ Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp lại chứng chỉ; trường hợp không cấp lại chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Việc trả chứng chỉ cấp lại được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính theo yêu cầu của cá nhân có nhu cầu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục (đã được bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016) như sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I bằng Phụ lục I kèm theo Nghị định này;
- b) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II bằng Phụ lục II kèm theo Nghị định này;
- c) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III bằng Phụ lục III kèm theo Nghị định này;
- d) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV bằng Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;
- đ) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục V bằng Phụ lục V kèm theo Nghị định này;
- e) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VI bằng Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;
- g) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VII bằng Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.

7. Thay cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam tại:

a) Khoản 1 Điều 12 (đã được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016);

b) Khoản 5 Điều 12b (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016);

c) Khoản 1, khoản 5 Điều 12d (đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016);

d) Điểm a khoản 2 Điều 25.

8. Thay cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam” tại khoản 4 Điều 45.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe (đã được sửa đổi tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018)

1. Thay cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại các Điều:

a) Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 23 và Điều 26 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016;

b) Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 (đã được sửa đổi tại khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018).

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 (đã được sửa đổi tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018) như sau:

“a) Có xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;”.

3. Bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Nghị định này bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Giấy

chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp đổi Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ) đã gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021);

b) Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận, Chứng chỉ;

c) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục I**MẪU GIẤY CHẤP THUẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ***(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)***BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCT-CĐBVN

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm....

**GIẤY CHẤP THUẬN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được Chính phủ sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 và Nghị định số.../2022/NĐ-CP ngày.../.../2022);

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BGTVT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Xét đề nghị của (tên cơ sở đào tạo)..... tại Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... về việc chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho.....;

Theo đề nghị của Trưởng phòng:.....,

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

1. Chấp thuận (cơ sở đào tạo):.....;

Địa chỉ:.....;

Số điện thoại:.....; Số Fax:.....; Email.....;

2. Người đại diện hợp pháp (của cơ sở đào tạo):....., chức vụ.....;

Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu)....., do..... cấp

ngày.... tháng.... năm 20....

Là Cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

3. Cơ sở đào tạo phải xuất trình Giấy chấp thuận và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ GTVT (để b/c);

- Cơ sở đào tạo;

- Lưu: Văn thư,..... (...b).

Phụ lục II
MẪU CHỨNG CHỈ
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM	
Ảnh 4 x 6 <i>(đóng dấu nổi của cơ quan trực tiếp cấp chứng chỉ)</i>	Cấp cho: Sinh ngày: Tại: Trình độ chuyên môn: Đã hoàn thành: Tổ chức tại: Từ ngày: Đến ngày: Hà Nội, ngày..... tháng năm
Số : - <i>Có giá trị đến ngày ... tháng ... năm</i>	

Hình thức chứng chỉ:

1. Bìa cứng, một mặt, có kích thước 200 mm x 140 mm, có nền hoa văn chìm hình Quốc huy.
2. Số chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu “ - ”, cụ thể:
 - Nhóm 1: có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp chứng chỉ;
 - Nhóm 2: có 09 chữ số ghi số thứ tự chứng chỉ.

Phụ lục III**MẪU TỜ TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ**
(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)

..... (2).....
 (1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày.... tháng.... năm....

TỜ TRÌNH**Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ**

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được Chính phủ sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 và Nghị định số.../2022/NĐ-CP ngày.../.../2022);

Thực hiện Kế hoạch đào tạo số.../... ngày... tháng... năm... của... (1)...

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-... ngày... tháng... năm... của...(1)... về việc công nhận kết quả thi thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ của lớp..., khóa...;(1)...., đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam xem xét, cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các nội dung dưới đây:

1. Tên cơ sở đào tạo:.....(1).....;

Địa chỉ:.....;

Số điện thoại:.....; Số Fax:.....; Email.....;

2. Tóm tắt quá trình đào tạo (chương trình, kế hoạch, số lượng học viên tham gia khóa học, kết quả thi...).

3. Số lượng chứng chỉ đề nghị cấp:..... chứng chỉ.

Danh sách học viên đề nghị cấp chứng chỉ theo Quyết định công nhận kết quả thi số.../QĐ-... ngày... tháng.... năm 20.... (học viên có kết quả thi đạt yêu cầu)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(2)..... (để b/c);
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1): Tên cơ sở đào tạo.

(2): Tên cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ sở đào tạo (nếu có).

Phụ lục IV**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ***(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)*

Ảnh màu
4 x 6cm
(kiểu thẻ
căn cước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

Tôi là:..... Quốc tịch:.....;

Sinh ngày:.....tháng..... năm.....;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....;

Nơi cư trú:.....;

Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu):....., do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Số điện thoại:.....; Số Fax:.....; Email:.....;

Tôi đã tham gia khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do.....(1)..... tổ chức tại:.....;

Tôi đã được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; thông tin về chứng chỉ:

+ Số chứng chỉ:.....;

+ Ngày cấp chứng chỉ:.....;

+ Có giá trị đến ngày:.....;

Đề nghị cho tôi được đổi (hoặc cấp lại chứng chỉ)

Lý do:.....(2).....;

Xin gửi kèm theo:

- 02 (hai) ảnh màu kiểu ảnh thẻ căn cước cỡ 4cm x 6cm (đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính); file ảnh điện tử kiểu ảnh thẻ căn cước cỡ 4cm x 6cm (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến);

- Bản khai kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi (đối với trường hợp cấp đổi).

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(Ký, ghi rõ họ và tên)**Hướng dẫn ghi:**(1): Tên cơ sở đào tạo.*

(2): Trường hợp cấp đổi chứng chỉ ghi lý do là chứng chỉ hết thời hạn sử dụng; trường hợp cấp lại chứng chỉ ghi lý do là chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng.

Phụ lục V**MẪU BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC****(Xin cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ)***(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***....., ngày..... tháng..... năm.....***BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC****(Xin cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ)**

1. Họ và tên:.....

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đường bộ (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc đã thực hiện):

STT	Thời gian	Đơn vị công tác	Nội dung công việc hoạt động (thẩm tra, thẩm định ATGT; thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT)

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản tự khai này./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị
quản lý Thẩm tra viên**
(Ký tên, đóng dấu)

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI
MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ
(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)

..... (2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (1).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

..... (1)..... là..... (3).....;

Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được Chính phủ sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 và Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày.../.../2022),..... (1)..... có đủ điều kiện để kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

..... (1)..... trân trọng đề nghị được chấp thuận là cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các thông tin chính như sau:

1. Tên cơ sở đào tạo:..... (1).....;

Địa chỉ:.....;

Số điện thoại:.....; Số Fax:.....; Email.....;

Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....; (4)

Số hiệu, tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu có); (4)

Số hiệu, tên Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu có); (4)

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở đào tạo:....., chức vụ.....;

Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu)....., do.... cấp ngày... tháng... năm...

Xin gửi kèm theo công văn này các tài liệu:

- Kê khai về cơ sở vật chất;

- Danh sách giảng viên (có kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp);

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
-(2)..... (để b/c);
- Lưu: VT,.....

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CÓ
NHU CẦU**
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1): Tên tổ chức, đơn vị có nhu cầu.
- (2): Tên tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) của tổ chức, đơn vị có nhu cầu.
- (3): Tổ chức, đơn vị có nhu cầu tự giới thiệu ngắn gọn về mình.
- (4): Kê khai 01 trong 03 trường hợp này.

Phụ lục VII**MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHẤP THUẬN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN ATGT ĐƯỜNG BỘ***(Kèm theo Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ)*

..... (2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (1).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

..... (1)..... đã được cấp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ số...../GCT-CĐBVN ngày..... tháng... năm 20.... của...(6); các thông tin chính như sau:

1. Tên cơ sở đào tạo:..... (1).....;

Địa chỉ:.....;

Số điện thoại:.....; Số Fax:.....; Email.....;

Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....; (3)

Số hiệu, tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu có); (3)

Số hiệu, tên Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu có); (3)

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở đào tạo:..... chức vụ.....;

Số CMND (hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu)..... do... cấp ngày... tháng... năm....

.....(1)..... trân trọng đề nghị được cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Lý do.....(4).....

.....(1)..... xin gửi Giấy chấp thuận số...../GCT-CĐBVN đã bị hư hỏng sau khi nhận được Giấy chấp thuận cấp lại. (5)

Trân trọng!

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO*(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

-(2)..... (để b/c);

- Lưu: VT,.....

Hướng dẫn ghi:

- (1): Tên cơ sở đào tạo có nhu cầu cấp lại Giấy chấp thuận.*
- (2): Tên tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) của cơ sở đào tạo.*
- (3): Kê khai 01 trong 03 trường hợp này.*
- (4): Ghi lý do: Giấy chấp thuận bị mất hoặc bị hư hỏng.*
- (5): Chỉ ghi dòng này trong trường hợp Giấy chấp thuận bị hư hỏng.*
- (6): Tên cơ quan đã cấp Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.*